

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 02-01-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Giản

Bà Phạm Thị Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Đình Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2023/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 551/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 582/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Bùi Thị T**, địa chỉ: **Tô 6, P, M2, L, Thành phố Hà Nội**; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Hồng S**, địa chỉ: **Số 109 T, T2, D, Hải Phòng**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 10 năm 2023 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị xây dựng hạnh phúc với anh Nguyễn Hồng S trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T2, quận D, thành phố Hải Phòng vào ngày 15 tháng 3 năm 2017. Sau khi

kết hôn anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thiếu tôn trọng và hay nghi ngờ nhau. Mọi người đã khuyên bảo nhiều nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với anh S. Về con chung: Anh chị có 01 con là Nguyễn Thiên A sinh ngày 06 tháng 5 năm 2017. Chị T nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, chị T không đề nghị Tòa án xem xét.

Bị đơn là anh Nguyễn Hồng S đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa án để giải quyết việc chị T xin ly hôn nên không có lời khai.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T2 vào ngày 28 tháng 11 năm 2023, thể hiện mâu thuẫn giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Hồng S đã nhiều năm và anh chị đã sống ly thân một thời gian dài và không còn khả năng đoàn tụ.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Hồng S đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều 70, 72 và 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề xuất việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hồng S. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thiên A sinh ngày 06 tháng 5 năm 2017 đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, chị T và anh S không yêu không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Bùi Thị T có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Hồng S, là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh S là bị đơn trong vụ án và cư trú tại tổ dân phố T, phường T2, quận D, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục giải quyết vụ án và sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng trong vụ án cho các đương sự. Tuy nhiên anh S vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Nguyên đơn là chị Bùi Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ vào khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh S theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Hồng S xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T2, quận D, thành phố Hải Phòng vào ngày 15 tháng 3 năm 2017. Vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau, không có sự chia sẻ, thông cảm, yêu thương lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài và anh chị cũng không tìm được giải pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn đó. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với anh S. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, sau khi viết bản tự khai để trình bày nội dung liên quan đến việc xin ly hôn với anh S, chị T đã có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa. Anh S đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo của Tòa án nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Điều đó phần nào thể hiện ý chí không mong muốn đoàn tụ vợ chồng của chị T và anh S. Như vậy, mâu thuẫn của anh chị đã ngày càng căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị T được ly hôn anh S.

[4] Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Hồng S có 01 con chung là Nguyễn Thiên A sinh ngày 06 tháng 5 năm 2017, chị T nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T

không đề nghị Tòa án giải quyết. Kết quả xác minh cho thấy trong khoảng thời gian sống ly thân, con chung vẫn ở với chị T và được chăm sóc ổn định, chu đáo. Do vậy cần giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là có cơ sở, phù hợp với những ý kiến đã được tham khảo, phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với nguyện vọng của chị T và để đảm bảo lợi ích, tâm lý và sự phát triển về mọi mặt khác của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Hồng S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị T là nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Hồng S được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hồng S.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thiên A sinh ngày 06 tháng 5 năm 2017 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Hồng S đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002938

ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Hồng S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. D;
- Chi cục THADS D
- UBND T2, D;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên